

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 110/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Xóm NT, xã LV, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố BA 1, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Xóm NT, xã LV, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và anh Vũ Văn T, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Tổ dân phố BA 1, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Vũ Văn T nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Khi ly hôn, chị T và anh T thống nhất thỏa thuận để anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Phúc A, sinh ngày 25/12/2014 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Chị Phạm Thị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Phạm Thị T do anh T tự nguyện không yêu cầu.

2.3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Vũ Văn T thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.4. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Vũ Văn T thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Phạm Thị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005125 ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Phạm Thị T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ (02 bản);
- Chi cục thi hành án huyện Đ;
- UBND thị trấn TC;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Trần Thiện Hoàng